

Bản án số: 35 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 9 -2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Cúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông: Nguyễn Văn Dương
- Ông: Nguyễn Đức Hưng

- Thký phiên tòa: Bà Lữ Thị Hải Vân - Thký Tòa án nhân dân, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thi Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXX-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị B– Sinh năm: 1987 – Vắng mặt

HKTT: TDP Thượng Ha, phường Hải Th, thị xã Nghi S, tỉnh Thanh Ho.

- Bị đơn: Anh Trần Văn Th– Sinh năm: 1983 – Vắng mặt

HKTT: Thôn Thượng Á, xã Thanh S, thị xã Nghi S, tỉnh Thanh Ho.

Nơi ở hiện nay: TDP Thượng Ha, phường Hải Th, thị xã Nghi S, tỉnh Thanh Ho.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa chị Trần Thị Btrình bày như sau: Chị và anh Thkết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hải Th, huyện Tĩnh Gi (nay là phường Hải Th, tx. Nghi S), tỉnh Thanh Hóa vào ngày 04/01/2010 và chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do từ khi anh Th đi bán sữa thì phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác. Sau đó một thời gian thì anh Th chuyển lên tầng 2 ở. Vợ chồng vẫn sống chung một nhà, nhưng không quan tâm nhau, ai lo bổn phận người đó. Chị cũng nghe nhiều người nói anh Th có quan hệ bất chính với người khác nhưng không tin, trong cuộc sống chị có nhìn thấy anh Th thân mật với người phụ nữ khác. Từ đó, vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau, xảy ra cãi nhau và có đánh nhau. Ngoài ra anh

Th thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm tới bố mẹ anh chị em nhà chị, không tôn trọng bố mẹ chị. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Th nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th.

Tại bản tự khai, lời trình bày tại phiên hòa giải, phiên tòa của anh Trần Văn Th như sau: anh và chị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hải Th, huyện Tĩnh Gi (nay là phường Hải Th, tx. Nghi S), tỉnh Thanh Ho vào ngày 04/01/2010. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng diễn ra bình thường, tuy nhiên trong cuộc sống cũng có phát sinh một vài xung đột. Nguyên nhân là do chị B không có niềm tin với anh. Lần thứ 2 xảy ra mâu thuẫn, xuất phát từ việc anh em đánh nhau, chị B làm đơn ly hôn nhưng sau đó vợ chồng hòa giải và chung sống bình thường với nhau. Trước tết âm lịch năm 2023, cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị B thường xuyên có những hành động không đàng hoàng và có những mối quan hệ phức tạp khác dẫn đến vợ chồng không đủ niềm tin với nhau. Anh có hỏi thì chị B gạt đi cho rằng anh nghi ngờ vợ. Do không kiềm chế được nên có xảy ra bạo lực gia đình nhưng chỉ dọa chị B. Sau đó chị B có nói không sống được với nhau thì ly hôn đi, do anh không kiềm chế được nên mới nói mi viết đơn đi tau ký cho. Nay chị B làm đơn ly hôn, anh không muốn ly hôn để vợ chồng về chung sống với nhau và cùng nhau nuôi dạy con chung. Hiện nay chị B không về ở cùng với anh nên anh cũng không có biện pháp hàn gắn gia đình.

Về con chung: Chị B và anh Th có một con chung cháu: Trần Anh Q – Sinh ngày: 17/11/2010. Nay ly hôn cả chị B và anh Th đều có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Nguyện vọng của cháu Trần Anh Q xin được ở với anh Trần Văn Th.

Về tài sản và công nợ chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán Hội đồng xét xử, Thký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử cho chị Trần Thị B được ly hôn với anh Trần Văn Th. Về con chung giao cháu: Trần Anh Q – Sinh ngày: 17/11/2010, cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Th. Chị B được quyền lui tới thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản; Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét. Buộc chị B phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Văn Th là tranh chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn hiện đang cư trú trên địa bàn thị xã Nghi Sơn nên TAND Thị xã Nghi Sơn có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa lần thứ nhất anh Th vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thủ tục hợp lệ, đúng theo quy định cho anh Th vì vậy HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS xử vắng mặt anh Th. Chị B có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228 BLTTDS xử vắng mặt chị B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Về phía anh Th không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, muốn đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Xét nguyện vọng của các bên HĐXX thấy: Bản thân gia đình chị B và anh Th đã xảy ra mâu thuẫn từ lâu, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh Th cũng thừa nhận có xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, có xảy ra bạo lực gia đình, cả anh Th và chị B đều thừa nhận cả hai không còn niềm tin với nhau dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc, và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện vợ chồng anh chị đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn dẫn đến bạo lực gia đình, chính quyền địa phương đã nhiều lần đến nhà để giải quyết. Xét lời khai của các đương sự, xác minh tại chính quyền địa phương HĐXX thấy đời sống hôn nhân của chị B và anh Th không có hạnh phúc, vợ chồng không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được nếu có chung sống cùng nhau cũng chỉ để nuôi dạy con chung nên không thể kéo dài đời sống hôn nhân được vì vậy HĐXX áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật HN&GD xử cho chị Trần Thị B được ly hôn với anh Trần Văn Th.

[3] Về con chung: Chị B và anh Th có một con chung cháu: Trần Anh Q – Sinh ngày: 17/11/2010. Nay ly hôn cả chị B và anh Th đều có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng của cháu Trần Anh Q xin được ở với anh Trần Văn Th. Xét nguyện vọng của chị B, anh Th và của cháu Q HĐXX thấy cháu Q đã trên 7 tuổi, và có nguyện vọng xin được ở với bố vì vậy HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật HNGD giao cháu Q cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Q và đúng quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Th không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con, chị B đồng ý. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của các đương sự nên HĐXX chấp nhận.

Chị B được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, anh Th không được ngăn cản. Trong trường hợp chị B lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Th được quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị B,

[4] Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Buộc chị B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS; Căn cứ vào các Điều 51, 56; khoản 2 Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bthường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị B

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị B được ly hôn với anh Trần Văn Th

2. Về con chung: Chị B và anh Th có một con chung cháu Trần Anh Q – sinh ngày 17/11/2010. Giao cháu Q cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Th.

Chị B được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, anh Th không được ngăn cấm. Trong trường hợp chị B lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Th được quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị B.

3. Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Buộc chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0012574, ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Chị B đã thi hành xong phần án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt các đương sự. Các đương sự được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử lại theo trình tự phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- CC.THA-DS thị xã Nghi Sơn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND phường Hải Thanh, TX. Nghi Sơn, Thanh Hóa.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Cúc